

Phụ lục
DANH MỤC ÁP DỤNG TÀI LIỆU ISO NĂM 2023
CƠ QUAN SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày tháng năm 2023
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| STT | Tên tài liệu |
|---|--|
| I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng | |
| 1. | Chính sách chất lượng |
| 2. | Mục tiêu chất lượng |
| 3. | Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 |
| 4. | Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ) |
| 5. | Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội |
| 6. | Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng |
| 7. | Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục |
| II. Quy trình giải quyết TTHC | |
| 1. Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 quy trình) | |
| 8. | Quy trình nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ |
| 2. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (02 quy trình) | |
| 9. | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng |
| 10. | Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở |

| STT | Tên tài liệu |
|--|--|
| 3. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng (01 quy trình) | |
| 11. | Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành) |
| 4. Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường (03 quy trình) | |
| 12. | Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao |
| 13. | Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao |
| 14. | Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương |
| 5. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại (02 quy trình) | |
| 15. | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh |
| 16. | Giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp tỉnh |
| 6. Lĩnh vực giải quyết tố cáo (01 quy trình) | |
| 17. | Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh |
| 7. Lĩnh vực tiếp công dân (01 quy trình) | |
| 18. | Tiếp công dân tại tỉnh |
| 8. Lĩnh vực xử lý đơn thư (01 quy trình) | |
| 19. | Xử lý đơn tại cấp tỉnh |
| 9. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng (04 quy trình) | |
| 20. | Kê khai tài sản, thu nhập |
| 21. | Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập |
| 22. | Tiếp nhận yêu cầu giải trình |
| 23. | Thực hiện việc giải trình |
| 10. Lĩnh vực Viên chức (04 quy trình) | |
| 24. | Thi tuyển viên chức |

| STT | Tên tài liệu |
|--------------------------------------|---|
| 25. | Xét tuyển viên chức |
| 26. | Tiếp nhận vào làm viên chức |
| 27. | Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức |
| III. Quy trình quản lý nội bộ | |
| 28. | Quy trình quản lý công văn đi, đến |
| 29. | Quy trình Lưu trữ hồ sơ tài liệu |
| 30. | Quy trình họp, xem xét của lãnh đạo |
| 31. | Quy trình Đo lường sự thỏa mãn của khách hàng |
| 32. | Quy trình giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa |
| 33. | Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy trình nội bộ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh |
| 34. | Quy trình kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính |
| 35. | Quy trình công khai xin lỗi tổ chức, cá nhân khi tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính bị sai sót, quá hạn |
| 36. | Quy trình quản lý, vận hành và sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành (VNPT - ioffice) |
| 37. | Quy trình quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong việc gửi, nhận và sử dụng văn bản điện tử tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 38. | Quy trình trao đổi, xử lý, lưu trữ văn bản điện tử trong hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 39. | Quy trình Quản lý và sử dụng xe công |
| 40. | Quy trình Mua sắm quản lý tài sản, trang thiết bị cơ quan |
| 41. | Quy trình Tạm ứng, thanh toán |
| 42. | Quy trình đánh giá cán bộ công chức, viên chức |
| 43. | Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ, công chức lãnh đạo do Sở quản lý |
| 44. | Quy trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức |
| 45. | Quy trình bình xét thi đua, khen thưởng, kỷ luật |